

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cấn Kim Khôi
Bà Vũ Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1989; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Tuấn E, sinh năm: 1989; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 5 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Chị Lê Thị L (chị L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và Anh Nguyễn Thanh Tuấn E (anh Tuấn E) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai ngày 27/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là anh Tuấn Ehay cờ bạc, ăn chơi, không lo cho vợ con và chịu làm ăn chăm lo phát triển kinh tế cho gia đình; trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã. Kể từ năm 2015 đến nay Chị Lđã đưa cháu Vy về gia đình bố mẹ ruột tại Ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị Lvà anh Tuấn Ekhông quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị Lvà anh Tuấn Ekhông còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn Em.

- Về con chung: Giữa Chị Lvà anh Tuấn Ecó 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tường Vy, sinh ngày 11/10/2011, ly hôn Chị Lyêu cầu được nuôi cháu Vy đến khi con thành niên và không yêu cầu anh Tuấn Ephải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, thông báo nhiều lần anh Tuấn Eđến Tòa tham gia tố tụng nhưng anh Tuấn Ekhông đến nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương thì thấy rằng anh Tuấn Evẫn có mặt tại địa phương; giữa Chị Lvà anh Tuấn Ecó xảy ra nhiều mâu thuẫn; hiện tại Chị Lvà anh Tuấn Eđã sống ly thân không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Chị Lvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con; đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tuấn Evà đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lê Tường Vy; không yêu cầu anh Tuấn Ephải cấp dưỡng; xác định không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Chị Lchấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn anh Tuấn Ekhông chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Tuấn Eđến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Tuấn Ebiết nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, xét xử nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống Chị L và anh Tuấn E xảy ra mâu thuẫn, kể từ năm 2015 đến nay Chị L và anh Tuấn E không còn sống chung với nhau, Chị L đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột tại xã La Ngà, huyện Định Quán sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị L và anh Tuấn E không còn, Chị L xin ly hôn nhưng anh Tuấn E biết nhưng không đến Tòa làm việc nhưng qua xác minh thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị L và anh Tuấn E là có thật, hiện cả hai không còn sống chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về con chung: Ly hôn Chị L yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Lê Tường Vy đến khi con thành niên và không yêu cầu anh Tuấn E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; cháu Vy cũng có nguyện vọng ở với Chị L khi ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vy cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh Tuấn E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Chị L cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Lê Tường Vy (bản sao); 01 CMND mang tên Lê Thị L (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Trần Văn D (bản sao).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 13/5/2020 của Chị Lê Thị L; 01 bản tự khai ngày 13/7/2020 của cháu Nguyễn Lê Tường Vy; 01 biên bản xác minh tại Công an xã Hà Lâm ngày 01/7/2020; 01 biên bản xác minh tại thôn 1, xã Hà Lâm ngày 14/8/2020; 01 đơn xác nhận của Chị L ngày 18/6/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của nguyên đơn, kết quả xác minh, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng; về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

Chị Lvà anh Tuấn Echung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Lâm Đồng. Được UBND xã La Ngà đăng ký kết hôn số 118; quyển 07/2010 vào ngày 27/9/2010, do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị Lvà anh Tuấn Eđược xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn Chị Lkhởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Tuấn Em. Bị đơn anh Tuấn Ecó nơi cư trú tại xã Hà Lâm, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn Chị Lvà anh Tuấn Echỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là anh Tuấn Ehay cờ bạc, ăn chơi, không lo cho vợ con, không chịu làm ăn, chăm lo phát triển kinh tế cho gia đình; cuộc sống vợ chồng do không tìm được tiếng nói chung, chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình được hai bên nội ngoại đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay Chị Lvà anh Tuấn Ekhông còn sống chung với nhau, Chị Lđã đưa cháu Vy về gia đình bố mẹ ruột tại ấp 1, xã La Ngà sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, Chị Lxin ly hôn, nhưng anh Tuấn Ecó tình bỏ mặc không đến Tòa làm việc. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Lvà anh Tuấn Elà trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho Chị Lđược ly hôn với anh Tuấn Elà có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã La Ngà thể hiện họ tên cháu Nguyễn Lê Tường Vy, sinh ngày 11/10/2011 có họ tên người mẹ Lê Thị Lệ, họ tên người cha Nguyễn Thanh Tuấn Em. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Vy là con chung của Chị Lvà anh Tuấn Em.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị Lthì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị Lxác định do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không ở chung

với nhau nên Chị L đã đưa cháu Vy về gia đình bố mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại cháu Vy đang học lớp 4 và sinh sống ổn định; việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vy hàng ngày được Chị L và gia đình ông bà ngoại chăm sóc tốt; cháu Vy còn khá nhỏ, đã sống với mẹ và ông bà ngoại một thời gian dài và đã quen với cách sống, sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, cháu Vy có nguyện vọng ở với chị L. Để đảm bảo cho cháu Vy ổn định nên cần tiếp tục giao cháu Vy cho Chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh Tuấn E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.5] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn, nuôi con nên phải chịu nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Tuấn E không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị L đối với Anh Nguyễn Thanh Tuấn E về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lê Thị L được ly hôn với Anh Nguyễn Thanh Tuấn E. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 118; quyển số 07/2010 ngày 27/9/2010 của Ủy ban nhân dân La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Tường Vy, sinh ngày 11/10/2011 cho Chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Thanh Tuấn E không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018209 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự (chị L) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 25/9/2020) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Tuấn Evắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND xã L, huyện Đ (01);
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lập

